

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2024

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Mỹ Xuân và ông Hà Văn Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Trần Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2024/TLST- HNGĐ ngày 10/01/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 09/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Chị L và anh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện và không ai bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, xung đột dẫn đến tình cảm phai nhạt. Cuối năm 2021 chị L đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại tiếp tục cố gắng hàn gắn gia đình. Tuy nhiên mâu thuẫn càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không

thể hàn gắn, chị **L** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**.

Về con chung: Chị **Nguyễn Thị L** và anh **Nguyễn Văn T** có 03 (ba) con chung là cháu **Nguyễn Đăng K**, sinh ngày 02/5/2005; cháu **Nguyễn Hoàng T1**, sinh ngày 16/10/2007 và cháu **Nguyễn Ngọc Phương T2**, sinh ngày 13/01/2012. Cháu **K** đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị **Nguyễn Thị L** yêu cầu được nuôi cháu **T2**. Giao cháu **Hoàng T1** cho anh **Nguyễn Văn T** nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** vắng mặt đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa hôm nay và không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì. Tại bản tự khai ngày 25/01/2024, anh **T** có lời khai: Anh **T** không đồng ý ly hôn với chị **L** vì vẫn còn tình cảm, mâu thuẫn không trầm trọng, đôi khi có cãi vã. Về con chung, anh **T** thừa nhận vợ chồng có 03 con chung như chị **L** trình bày. Về yêu cầu của chị **L** thì anh không đồng ý, nếu ly hôn thì anh vẫn muốn nuôi cả hai cháu **T2** và **T1**, không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, anh **T** không đến Tòa án giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/5/2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị L** và anh **Nguyễn Văn T** là hôn nhân hợp pháp. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không được được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **L**, chị **L** được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu **Nguyễn Ngọc Phương T2**, sinh ngày 13/01/2012 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu **Nguyễn Hoàng T1**, sinh ngày 16/10/2007 cho anh **Nguyễn Văn T** nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử, giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2004. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị L cho rằng vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, xung đột dẫn đến tình cảm phai nhạt. Cuối năm 2021 chị L đã làm đơn xin ly hôn, đã được Tòa án hòa giải vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng và hạnh phúc gia đình. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị L. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L đã thực sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 02/5/2005; cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 16/10/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Phương T2, sinh ngày 13/01/2012. Cháu K đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương T2, sinh ngày 13/01/2012. Giao cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 16/10/2007 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh Nguyễn Văn T không đồng ý với yêu cầu này của chị L, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu T2 và T1.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Ngọc P Thù tại bút lục số 34, cháu T2 có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu ở với ai cũng được. Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Hoàng T1 tại bút lục số 33, cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Xét thấy, cháu T2 là con gái ở với mẹ sẽ thuận tiện chăm sóc, cháu T1 là con trai và có nguyện vọng được ở với bố. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu. Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Nguyễn Ngọc Phương T2, sinh ngày 13/01/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 16/10/2007 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị L không yêu cầu hai bên cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị L nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Phương T2, sinh ngày 13/01/2012 cho chị Nguyễn Thị L; Giao cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 16/10/2007 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, sống tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con

của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: chị **Nguyễn Thị L** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0001353 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (*21/5/2024*) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Nga

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên
tòa**

Phạm Thị G

Phạm Thị N

